

CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG

Điều 1: Luật điều chỉnh

Hợp đồng này, các thỏa thuận có liên quan, phụ lục và các tài liệu đi kèm sẽ được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

Điều 2: Định nghĩa

Trong hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu thống nhất như sau:

- 2.1 “Hợp đồng” là hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ và các tài liệu đi kèm. Hợp đồng này đồng thời là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ.
- 2.2 “Tài khoản giao dịch” là tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán của khách hàng được mở tại SBBS, để phục vụ cho các giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và của SBBS.
- 2.3 “Tài khoản giao dịch ký quỹ” (TKGDKQ) là tài khoản đứng tên của khách hàng mở tại SBBS, để phục vụ cho giao dịch ký quỹ.
- 2.4 “Giao dịch ký quỹ” (GDKQ) là giao dịch mua chứng khoán có sử dụng tiền vay của SBBS, trong đó chứng khoán vừa được mua và các tài sản đáp ứng quy định có trên TKGDKQ của khách hàng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.
- 2.5 “Chứng khoán ký quỹ” (CKKQ) là các chứng khoán đáp ứng đủ các điều kiện của pháp luật liên quan để được phép giao dịch ký quỹ và thuộc danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ do SBBS quy định trong từng thời kỳ. Mỗi chứng khoán sẽ có tỷ lệ cho vay nhất định được quy định bởi SBBS.
- 2.6 “Dư nợ” là tổng số tiền khách hàng nợ SBBS.
- 2.7 “Tổng tài sản trên tài khoản” là tổng giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ trên tài khoản.
- 2.8 “Tỷ lệ vốn” (ER) là tỷ lệ phần trăm (%) giữa giá trị tài sản đảm bảo và tổng dư nợ vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng.
- 2.9 “Tỷ lệ tài sản nợ” (ADR) là tỷ lệ giữa tổng tài sản trên tài khoản và dư nợ của khách hàng.
- 2.10 “Tỷ lệ xử lý” (Force-sell ratio) là ngưỡng mà khi tỷ lệ tài sản nợ xuống dưới mức do SBBS quy định, SBBS sẽ có quyền xử lý tài sản đảm bảo.
- 2.11 “Tỷ lệ ADR duy trì” là tỷ lệ tối thiểu giữa tổng tài sản trên tài khoản và dư nợ của khách hàng.
- 2.12 “Tài sản đảm bảo” là toàn bộ chứng khoán, các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán có trong TKGDKQ và các tài sản đảm bảo phù hợp khác của khách hàng mà được dùng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ với SBBS.
- 2.13 “Hạn mức” là tổng số tiền tối đa mà SBBS có thể cho khách hàng vay. Hạn mức có thể được SBBS thay đổi và không cao hơn hạn mức cho vay mà pháp luật cho phép trong từng thời kỳ.
- 2.14 “Giá căn cứ” là mức giá của từng mã chứng khoán làm căn cứ để xác định giá trị tài sản đảm bảo trong TKGDKQ của khách hàng, được xác định theo quy định của SBBS từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2.15 “Các tham số liên quan do SBBS quy định” là các tham số có liên quan đến giao dịch ký quỹ tại SBBS bao gồm nhưng không giới hạn bởi: danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ, tỷ lệ cho vay, tỷ lệ xử lý, hạn mức cho vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay,... Các tham số này sẽ do SBBS quy định.

Điều 3: Mở, sử dụng và quản lý tài khoản giao dịch ký quỹ

3.1 Mở tài khoản giao dịch ký quỹ

Khách hàng đề nghị và SBBS đồng ý mở TKGDKQ, có số tài khoản được nêu tại trang một (01) của hợp đồng, để SBBS cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ theo các điều kiện và điều khoản quy định tại hợp đồng này.

3.2 Sử dụng tài khoản giao dịch ký quỹ

- 3.2.1 TKGDKQ là tài khoản để thực hiện các giao dịch mua/bán CKKQ, giải ngân để cho vay mua CKKQ, thanh toán tiền gốc cho vay mua CKKQ, lãi vay, phí, chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc mua/bán CKKQ và các giao dịch khác theo quy định tại hợp đồng này và các hợp đồng liên quan.
- 3.2.2 TKGDKQ không được phép: chuyển khoản/rút tiền, chuyển khoản/cho/tặng chứng khoán, cầm cố/thế chấp chứng khoán cho bên thứ ba khi khách hàng còn đang nợ SBBS, trừ trường hợp được cho phép theo quy định của SBBS.
- 3.2.3 TKGDKQ được nhận tiền, chứng khoán được chuyển khoản đến để tăng tài sản đảm bảo. Trường hợp nhận chuyển khoản chứng khoán thì chứng khoán này phải nằm trong danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ của SBBS, đồng thời chưa và không được dùng để đảm bảo cho bất cứ nghĩa vụ nào của khách hàng đối với bên thứ ba.

3.3 Quản lý tài khoản giao dịch ký quỹ

Bằng hợp đồng này, khách hàng ủy quyền cho SBBS được quản lý TKGDKQ theo các nội dung dưới đây. Khách hàng cam kết không hủy ngang ủy quyền này cho đến khi khách hàng hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán đối với SBBS và chính thức chấm dứt hợp đồng này.

- 3.3.1 Cung cấp thông tin liên quan đến TKGDKQ theo quy định của pháp luật và của SBBS.
- 3.3.2 Thực hiện các công việc theo quy định tại hợp đồng này.
- 3.3.3 Tự động trích tiền từ tài khoản tiền gửi của khách hàng để thu hồi các khoản nợ của khách hàng đối với SBBS.
- 3.3.4 Thay mặt khách hàng xử lý tài sản đảm bảo và trích từ khoản thu do xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi các khoản vay của khách hàng đối với SBBS khi khách hàng vi phạm điều kiện và điều khoản quy định tại hợp đồng này.
- 3.3.5 Thay mặt khách hàng thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí và chi phí hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với SBBS theo quy định của pháp luật và của SBBS.

Điều 4: Điều kiện giao dịch ký quỹ

Khách hàng được giao dịch ký quỹ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- 4.1 Khách hàng đã có tài khoản giao dịch tại SBBS và đã ký kết hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với SBBS.
- 4.2 Khách hàng đáp ứng các điều kiện về GDKQ và tài sản đảm bảo của SBBS quy định trong từng thời kỳ, không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại hợp đồng này hoặc bị hạn chế giao dịch theo các quy định của SBBS từng thời kỳ.
- 4.3 Khách hàng phải duy trì các tỷ lệ theo yêu cầu và thực hiện đảm bảo khoản vay theo quy định của SBBS từng thời kỳ.

4.4 Các điều kiện khác theo quy định của hợp đồng này, phụ lục (nếu có) và quy định của SBBS.

Điều 5: Cho vay giao dịch ký quỹ

5.1 Phương thức giải ngân khoản vay

- 5.1.1 Việc khách hàng đặt lệnh mua CKKQ đồng nghĩa với việc khách hàng đề nghị SBBS cho khách hàng vay. Căn cứ theo quy định GDKQ và nguồn vốn của SBBS, SBBS có thể cho chấp nhận hoặc không chấp nhận cho khách hàng vay.
- 5.1.2 Khi lệnh mua CKKQ được khớp, SBBS sẽ ghi nhận giá trị vay vào tài khoản của khách hàng. Ngày ghi nhận được xác định là ngày khoản vay được giải ngân.
- 5.1.3 Khách hàng đồng ý nhận nợ đối với các khoản vay mà SBBS đã ghi nhận theo lệnh mua CKKQ của khách hàng mà không cần thêm bất kỳ sự xác nhận nào khác.
- 5.1.4 Mỗi lệnh yêu cầu giải ngân, khi được SBBS chấp thuận, là một khoản vay riêng biệt và do vậy, các quy định về thời hạn vay, trả nợ, lãi suất và các điều khoản cho vay khác sẽ áp dụng cho từng khoản vay một cách riêng biệt.

5.2 Thời hạn cho vay và trả nợ vay

- 5.2.1 Thời hạn vay là thời hạn ba mươi (30) ngày bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ kể từ ngày SBBS thực hiện ghi nhận khoản vay. Thời hạn cho vay có thể được điều chỉnh theo quyết định của SBBS. Thời hạn cho vay mới (sau khi điều chỉnh) sẽ có hiệu lực áp dụng đối với các khoản vay mới phát sinh kể từ khi SBBS áp dụng thời hạn cho vay mới.
- 5.2.2 Thời hạn cho vay có thể được tự động gia hạn theo quy định của SBBS hoặc theo đề nghị từ khách hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và của SBBS. Giá trị khoản vay khi gia hạn sẽ được tính lại bao gồm cả tiền lãi, phí của khoản vay theo quy định của SBBS từng thời kỳ. Trong trường hợp khoản vay không được chấp nhận gia hạn, khách hàng có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ khoản vay, tiền lãi và bất kỳ chi phí phát sinh, không muộn hơn ngày hết thời hạn (“Ngày đáo hạn”) của khoản vay.
- 5.2.3 Nếu vào ngày đáo hạn của khoản vay mà khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, SBBS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khấu trừ bất kỳ số tiền nào trên TKGDQ và/hoặc xử lý tài sản đảm bảo trên TKGDQ và các tài sản khác để thu hồi khoản nợ đó.
- 5.2.4 Trong trường hợp khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vào ngày đáo hạn, khoản vay đến hạn, lãi vay và các chi phí phát sinh sẽ bị coi là nợ quá hạn và bị tính lãi suất quá hạn.
- 5.2.5 Trường hợp ngày đáo hạn ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam thì khách hàng có trách nhiệm hoàn trả khoản vay vào ngày làm việc kế tiếp liền kề với ngày nghỉ, lễ, Tết đó.
- 5.2.6 Không phụ thuộc vào thời hạn cho vay, khách hàng đồng ý trả cho SBBS tất cả các khoản vay, bao gồm tiền nợ gốc, lãi, phí phát sinh ngay khi khách hàng có tiền trong TKGDQ hoặc khi tiền bán chờ về trong TKGDQ. Việc trả nợ được thực hiện một hoặc nhiều lần (thanh toán từng phần) tùy thuộc vào số dư tiền trong TKGDQ của khách hàng và theo quy định về thu nợ của SBBS từng thời kỳ.
- 5.2.7 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán và theo đây đồng ý ủy quyền cho SBBS trích từ TKGDQ và/hoặc tài khoản giao dịch của khách hàng bất kỳ khoản tiền nào để thanh toán cho các khoản phí giao dịch, phí môi giới, thuế thu nhập, chi phí khác có liên quan đến TKGDQ và giao dịch CKKQ thực hiện theo lệnh của khách hàng, các chi phí liên quan đến việc quản lý, phong tỏa và xử lý tài sản đảm bảo. Các khoản phí dịch vụ của SBBS thực hiện theo biểu phí được công bố từng thời kỳ.

5.3 Lãi suất cho vay

- 5.3.1 Lãi suất cho vay GDKQ do SBBS quy định tại thời điểm ghi nhận khoản vay. Khách hàng cam kết đồng ý tất cả các lãi suất cho vay mà SBBS áp dụng và không có bất kỳ khiếu nại nào.
- 5.3.2 Lãi suất cho vay GDKQ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo năm (cơ sở 360 ngày/năm).
- 5.3.3 Tiền lãi vay được tính từ ngày phát sinh đến ngày hoàn trả khoản vay. Tiền lãi phải được khách hàng thanh toán cùng thời điểm thanh toán nợ gốc của khoản vay, trừ trường hợp khoản vay được gia hạn theo quy định tại Điều 5.2.2. Công thức tính tiền lãi vay: **Tiền lãi vay = Số tiền vay x Lãi suất x Số ngày vay thực tế**.
- 5.3.4 Phí tái tục khoản vay là phí mà khách hàng phải trả cho SBBS khi đến ngày đáo hạn và khoản vay được SBBS chấp nhận gia hạn. Phí này được thực hiện theo biểu phí quy định được SBBS công bố từng thời kỳ.

Điều 6: Tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ

- 6.1 SBBS có quyền định giá lại tài sản đảm bảo của khách hàng khi SBBS thấy cần thiết, và khách hàng cam kết chấp nhận việc định giá lại đó mà không có bất kỳ khiếu nại/khiếu kiện nào.
- 6.2 Khách hàng chỉ được rút tiền trên TKGDQ khi SBBS đồng ý. Chính sách rút tiền được SBBS quy định trong từng thời kỳ.
- 6.3 Khách hàng phải đảm bảo luôn duy trì giá trị tài sản đảm bảo trong TKGDQ sao cho tỷ lệ tài sản nợ trên TKGDQ của khách hàng luôn lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ tài sản nợ duy trì tại mọi thời điểm trong suốt thời hạn của hợp đồng này.
- 6.4 Khách hàng tại đây đồng ý ủy quyền cho SBBS quản lý toàn bộ tiền, chứng khoán ký quỹ và các tài sản khác trên TKGDQ và ủy quyền cho SBBS bán hoặc định đoạt bằng cách khác một phần hoặc toàn bộ các tài sản này trong các trường hợp thỏa thuận tại hợp đồng này và/hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung

- 7.1 Trường hợp tỷ lệ tài sản nợ trên TKGDQ của khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào giảm xuống dưới tỷ lệ tài sản nợ duy trì (vì bất kỳ lý do nào) thì khách hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản đảm bảo (bằng tiền mặt, hoặc chứng khoán ký quỹ) để đưa tỷ lệ tài sản nợ về mức lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ tài sản nợ duy trì.
- 7.2 Trong trường hợp nêu tại Điều 7.1, SBBS sẽ phát hành lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi tới khách hàng bằng thư điện tử, điện thoại, tin nhắn văn bản hoặc phương thức khác được sự đồng ý của SBBS. Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản đảm bảo theo đúng yêu cầu của SBBS trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi khách hàng nhận lệnh gọi ký quỹ bổ sung từ SBBS.
- 7.3 Lệnh gọi ký quỹ bổ sung của SBBS được xem là đã được gửi tới khách hàng và khách hàng đã nhận được lệnh đó khi:
- Vào thời điểm hệ thống của SBBS ghi nhận cuộc gọi mà SBBS gọi cho khách hàng (dù có kết nối được hay không) (nếu sử dụng phương thức liên hệ qua điện thoại); hoặc
 - Vào thời điểm thư điện tử gửi thành công (theo ghi nhận trên hệ thống/thiết bị của SBBS) (nếu sử dụng phương thức liên hệ qua thư điện tử); hoặc

(c) Vào thời điểm tin nhắn được gửi đi thành công (theo ghi nhận trên hệ thống/thiết bị của SBBS) (nếu sử dụng phương thức liên hệ bằng tin nhắn).

- 7.4 Khách hàng đồng ý rằng khi SBBS đã thực hiện việc gửi thông báo cho khách hàng theo một trong các phương thức trên nghĩa là SBBS đã hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc thông báo cho khách hàng và SBBS hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong trường hợp các phương tiện liên lạc do khách hàng lựa chọn ở trên không nhận được thông báo vì bất cứ lý do gì.
- 7.5 Việc bổ sung tài sản đảm bảo được thực hiện dưới các hình thức: (i) bổ sung bằng tiền; (ii) bổ sung bằng chứng khoán có trong danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ hoặc (iii) tài sản khác được phép sử dụng làm tài sản đảm bảo theo quy định của SBBS tại thời điểm bổ sung tuân thủ theo quy định của pháp luật. Giá trị tài sản đảm bảo bổ sung được SBBS tính toán và thông báo cụ thể cho khách hàng tại thời điểm khách hàng nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung.

Điều 8: Xử lý tài sản đảm bảo

- 8.1 Nếu khách hàng không bổ sung đầy đủ tài sản đảm bảo theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung của SBBS trong vòng một (01) ngày làm việc, hoặc tỷ lệ tài sản nợ trên tài khoản của khách hàng xuống dưới tỷ lệ tài sản nợ duy trì, hoặc bất kỳ khoản vay nào đến hạn mà khách hàng không trả nợ trong vòng một (01) ngày làm việc và không được gia hạn thì SBBS có toàn quyền bán một phần hoặc toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản phí/chi phí khác theo quy định của SBBS. SBBS có quyền quyết định bán loại chứng khoán bất kỳ trong danh mục của khách hàng, giá bán chứng khoán nhằm ưu tiên việc bán được chứng khoán. Việc toàn quyền bán tài sản đảm bảo được hiểu bao gồm cả việc sửa, hủy lệnh đặt bán do SBBS hoặc chính khách hàng đã đặt nhằm ưu tiên việc bán được chứng khoán.
- 8.2 Việc bán giải chấp tài sản đảm bảo do SBBS toàn quyền quyết định mà không phụ thuộc vào việc khách hàng có nhận được thông báo bán tài sản đảm bảo. SBBS có trách nhiệm gửi cho khách hàng thông báo kết quả giao dịch bán tài sản đảm bảo sau khi giao dịch bán giải chấp hoàn tất.
- 8.3 Khách hàng đồng ý rằng nếu sau khi bán tài sản đảm bảo mà tổng số tiền có trên TKGDKQ của khách hàng không đủ trả hết nợ cho SBBS thì SBBS có toàn quyền áp dụng các biện pháp/quy định sau:
- (a) Bán chứng khoán khác và/hoặc khấu trừ các khoản tiền có trong TKGD của khách hàng để thu hồi nợ; và/hoặc
 - (b) Yêu cầu phong tỏa và trích/khấu trừ tiền trong tài khoản ngân hàng của khách hàng để thanh toán khoản tiền khách hàng nợ SBBS; và/hoặc
 - (c) Yêu cầu cơ quan chi trả tiền/thu nhập cho khách hàng thực hiện việc khấu trừ từ khoản tiền phải trả cho khách hàng để thanh toán khoản tiền khách hàng nợ SBBS; và/hoặc
 - (d) Định đoạt các tài sản khác của khách hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền khách hàng nợ SBBS.
- 8.4 Khách hàng đồng ý rằng: (i) SBBS có toàn quyền sử dụng một hoặc tất cả các biện pháp thu hồi nợ nêu trên; (ii) các cơ quan/tổ chức có liên quan (ngân hàng, cơ quan chi trả tiền/thu nhập...) có quyền thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của SBBS mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ khách hàng miễn rằng SBBS có chứng cứ về việc khách hàng chưa trả hết nợ cho SBBS.
- 8.5 Tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo, sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan, sẽ được thanh toán cho các khoản nợ của khách hàng với SBBS theo thứ tự sau: thuế, phí dịch vụ, lãi quá hạn, lãi trong hạn, các khoản phải trả/phạt/bồi thường thiệt hại khác (nếu có), nợ gốc.

Điều 9: Phương thức xử lý trong trường hợp SBBS không được phép thực hiện giao dịch ký quỹ

- 9.1 Khi SBBS ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ tự nguyện, SBBS sẽ tiến hành công bố thông tin với cơ quan quản lý đồng thời có phương án xử lý chi tiết (cách thức xử lý, thời gian tắt toán hợp đồng, thanh lý....) gửi tới và công bố với nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.
- 9.2 Trường hợp SBBS không đáp ứng một hoặc một số điều kiện theo quy định về giao dịch ký quỹ SBBS ngừng ngay việc ký mới hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, ngừng cho vay vốn để thực hiện giao dịch ký quỹ và báo cáo cơ quan quản lý, đồng thời tiến hành khắc phục để thực hiện giao dịch ký quỹ như bình thường. Nếu không khắc phục được điều kiện theo quy định về giao dịch ký quỹ, SBBS sẽ tiến hành thanh lý theo khoản 9.1 của điều này.

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của SBBS

10.1 Quyền của SBBS

- (a) Được quyền quyết định và áp dụng tức thì các thay đổi, bổ sung hoặc loại bỏ danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, danh mục tài sản đảm bảo, tỷ lệ ký quỹ, thời hạn thanh toán khoản vay, lãi suất cho vay và các khoản phí khác ở từng thời điểm theo quy định của SBBS;
- (b) Được quyền xác định, điều chỉnh, thay đổi và áp dụng vào từng thời điểm các thông số có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, tỷ lệ cho vay đối với từng loại chứng khoán cụ thể thuộc danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ mà SBBS công bố vào từng thời điểm, tỷ lệ tài sản nợ duy trì và các thông số khác có liên quan khác theo xác định của SBBS;
- (c) Ngưng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ và yêu cầu khách hàng hoàn trả lại toàn bộ số tiền vay ký quỹ và lãi vay cho vay ký quỹ theo thỏa thuận ban đầu hoặc được quyền chủ động bán chứng khoán để thu hồi toàn bộ dư nợ ký quỹ trong các trường hợp:
 - *Mã chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán;*
 - *Khách hàng vi phạm các quy định về thanh toán của SBBS hoặc các quy định về tỷ lệ tài sản nợ;*
 - *Khoản vay hết thời hạn theo quy định của hợp đồng này;*
 - *Khách hàng hoặc người được ủy quyền thanh toán đang ở trong tình trạng chuẩn bị phá sản, ...*
- (d) SBBS có toàn quyền bán toàn bộ hoặc một phần bất kỳ chứng khoán nào trên tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ vào bất kỳ lúc nào và với bất kỳ mức giá nào được SBBS xem là phù hợp mà không cần sự đồng ý của khách hàng để thu hồi số toàn bộ dư nợ ký quỹ khi khách hàng vi phạm điều kiện (khoản c) của điều này hoặc các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

10.2 Nghĩa vụ của SBBS

- (a) Thực hiện cho vay ký quỹ theo đúng cam kết cho khách hàng khi khách hàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giao dịch ký quỹ theo hợp đồng này;

- (b) SBBS có trách nhiệm thông báo kịp thời, đầy đủ cho khách hàng về những quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán trong tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng; gửi cho khách hàng bảng sao kê tài khoản giao dịch ký quỹ bằng thư điện tử hoặc các phương thức khác do SBBS quy định;
- (c) SBBS có nghĩa vụ công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về các điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ bao gồm danh sách chứng khoán được thực hiện giao dịch ký quỹ, lãi suất vay;
- (d) Thông báo cho khách hàng về thay đổi của hạn mức, danh mục, thời hạn của khoản vay và tình hình khi đến mức tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng thư điện tử hoặc phương thức khác do SBBS lựa chọn để khách hàng phối hợp xử lý và nghĩa vụ khác theo quy định của luật Việt Nam.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của khách hàng

11.1 Quyền của khách hàng

- (a) Yêu cầu SBBS cung cấp dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ theo thỏa thuận khi các điều kiện theo quy định giao dịch ký quỹ đã được đáp ứng đầy đủ;
- (b) Sở hữu hợp pháp số tiền và chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ;
- (c) Được hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ, bao gồm các khoản lợi nhuận phát sinh, và đầy đủ các quyền liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền nhận cổ tức, lãi trái phiếu, cổ phiếu thưởng ... do SBBS lưu giữ theo quy định của pháp luật;
- (d) Được yêu cầu rút một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản giao dịch ký quỹ sau khi thanh toán đầy đủ cho SBBS.

11.2 Nghĩa vụ của khách hàng

- (a) Chấp thuận các lệnh mua bằng vốn vay ký quỹ của khách hàng thuộc quyền quyết định của SBBS căn cứ vào điều kiện thực tế và khả năng thanh toán của khách hàng tùy từng thời điểm;
- (b) Lệnh mua sử dụng dịch vụ GDKQ của khách hàng không được vượt quá hạn mức cho vay và phải đáp ứng các điều kiện được quy định bởi SBBS theo từng thời điểm;
- (c) Hoàn trả đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán cho SBBS theo quy định của hợp đồng;
- (d) Thanh toán các khoản phí giao dịch chứng khoán do SBBS thực hiện theo lệnh của khách hàng căn cứ vào biểu phí do SBBS công bố vào từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật và các khoản thuế (nếu có);
- (e) Trong trường hợp SBBS không thể xử lý bán chứng khoán hoặc SBBS đã xử lý bán chứng khoán nhưng không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi vay, các khoản phí giao dịch, thuế... cho SBBS thì khách hàng phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ phần vốn vay, lãi vay, và các khoản phí phát sinh bằng tài sản khác của mình trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ SBBS;
- (f) Trong trường hợp tài khoản bị giải chấp, khách hàng có trách nhiệm thực hiện tất cả nghĩa vụ phát sinh liên quan đến chứng khoán đã bán như nghĩa vụ công bố thông tin đối với chứng khoán bán là đối tượng phải công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12: Bồi thường thiệt hại

Bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên còn lại có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Giải quyết tranh chấp

Tất cả tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải. Trường hợp thương lượng hòa giải không thành công, một trong các bên có thể đưa ra tòa án có thẩm quyền xét xử theo quy định của pháp luật.

Điều 14: Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt

SBBS bảo lưu quyền sửa đổi, bổ sung hay chấm dứt bất kỳ điều khoản nào trong “Các điều khoản và điều kiện của hợp đồng” vào bất cứ thời điểm nào theo quy định của pháp luật hiện hành mà không cần có sự đồng ý của khách hàng. Bản cập nhật mới nhất được SBBS công bố trên trang thông tin điện tử của SBBS và bản mềm sẽ được gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của khách hàng. Bản cập nhật mới nhất này sẽ có hiệu lực áp dụng thay thế bản cũ và trở thành một phần không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 15: Cam kết và đảm bảo của khách hàng

Khách hàng tại đây cam kết và đảm bảo rằng:

- (a) Khách hàng đã được SBBS giải thích rõ, đã hiểu và chấp nhận các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch CKKQ;
- (b) Khách hàng đã đọc và hiểu đầy đủ các điều kiện và điều khoản của hợp đồng này, các quy định liên quan của SBBS, Sở Giao dịch chứng khoán cũng như của pháp luật có liên quan đến giao dịch CKKQ;
- (c) Khách hàng không thuộc những đối tượng bị cấm thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định của pháp luật;
- (d) Khách hàng có đủ năng lực tài chính để duy trì tài khoản giao dịch ký quỹ;
- (e) Khách hàng không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi được sự đồng ý trước bằng văn bản của SBBS;
- (f) Khách hàng đồng ý rằng SBBS không chịu trách nhiệm đối với mọi khoản thua lỗ, chi phí, tổn thất phát sinh hay trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà khách hàng phải gánh chịu liên quan đến các giao dịch ký quỹ do khách hàng/người được ủy quyền của khách hàng thực hiện.

Điều 16: Hiệu lực hợp đồng

- 16.1 Hợp đồng này có thời hạn một (01) năm kể từ ngày ký, và được tự động gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần một (01) năm, nếu một bên không có thông báo bằng văn bản về việc không đồng ý gia hạn hợp đồng gửi cho bên còn lại trước ngày hết hạn mười (10) ngày làm việc.
- 16.2 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các vấn đề phát sinh làm cho bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này trở thành vô hiệu và không khả thi, những điều khoản còn lại sẽ vẫn có hiệu lực và ràng buộc các bên trong phạm vi pháp luật cho phép.
- 16.3 Hợp đồng này có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - (a) Khách hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng bằng văn bản theo mẫu của SBBS với điều kiện khách hàng đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ với SBBS;
 - (b) Khách hàng cá nhân qua đời hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

- (c) Khách hàng tổ chức hoặc SBBS bị giải thể, phá sản, đình chỉ hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (d) Hợp đồng không thể được tiếp tục thực hiện do ảnh hưởng của một sự kiện bất khả kháng mà không thể khắc phục được.

16.4 SBBS có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này sau khi đã gửi thông báo cho khách hàng với hiệu lực ngay lập tức trong trường hợp:

- (a) Khách hàng vi phạm hợp đồng này hoặc thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (b) Khách hàng ở trong tình trạng tài chính mà theo nhận định của SBBS, có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện và tuân thủ hợp đồng này;
- (c) Khách hàng không đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ an toàn theo quy định của SBBS từng thời kỳ;
- (d) SBBS ngừng cung cấp dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.

16.5 Không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của SBBS, khi hợp đồng chấm dứt, mọi khoản vay, các nghĩa vụ, trách nhiệm, khoản phải trả của khách hàng đối với SBBS sẽ tự động đến hạn thanh toán, và SBBS hoặc bên được SBBS ủy quyền, có quyền tiến hành các công việc sau:

- (a) Dừng tiền, CKKQ và tài sản khác trong TKGDKQ và/hoặc tài khoản giao dịch và/hoặc tài khoản ngân hàng của khách hàng để thực hiện mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của khách hàng theo hợp đồng này;
- (b) Đóng TKGDKQ; và
- (c) Thanh lý hợp đồng với khách hàng theo quy định của SBBS.

Điều 17: Điều khoản chung

- 17.1** Các nội dung khác không được quy định tại hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định tại hợp đồng mở tài khoản, các quy định của SBBS, Sở Giao dịch chứng khoán và pháp luật. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung của hợp đồng mở tài khoản và hợp đồng này về cùng một vấn đề thì các nội dung của hợp đồng này được ưu tiên áp dụng.
- 17.2** Hợp đồng này cấu thành một phần không tách rời của hợp đồng mở tài khoản giữa khách hàng và SBBS. Các phụ lục đính kèm là phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- 17.3** Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản chính có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện.